

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST  
Ngày: 31-3-2022  
V/v Tranh chấp về hợp đồng  
góp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thế Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Sức

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Soan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Hoài là Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp về hợp đồng góp hụi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 10/01/2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:***

1. Bà Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1978 nơi cư trú: Tổ 20, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1970 nơi cư trú: Tổ 15, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

3. Ông Ngô Thành V, sinh năm 1964 nơi cư trú: Tổ 15, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

4. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1968 nơi cư trú: Tổ 14, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc H (K), sinh năm 1972 nơi cư trú: Tổ 20, ấp Hưng Tân, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, có mặt;

6. Bà Trần Bích Th, sinh năm 1975 nơi cư trú: Tổ 20, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

7. Bà Đặng Thị Kim Ng, sinh năm 1989 nơi cư trú: Ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang;

*Người đại diện theo pháp luật của bà Đặng Thị Kim Ng:* Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1991 nơi cư trú: Tổ 9, ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang đại diện theo giấy ủy quyền ngày 15/6/2020, có mặt;

8. Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1991 nơi cư trú: Tổ 9, ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

9. Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1961 nơi cư trú: Ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

10. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955 nơi cư trú: Ấp Hưng Th 2, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

11. Bà Phan Thị T, sinh năm 1976 nơi cư trú: Ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, xin vắng mặt;

12. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1983 nơi cư trú: Ấp Hưng M, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

13. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1988 nơi cư trú: Ấp Hưng M, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, có mặt;

*Người đại diện theo pháp luật của bà Nguyễn Thị D:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1968 nơi cư trú: Tổ 14, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang theo giấy ủy quyền lập ngày 14/8/2020, có mặt.

14. Bà Phan Thị Trúc Ph, sinh năm 1981 nơi cư trú: Số 299, tổ 9, ấp Bình M, xã Bình M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có mặt;

15. Ông Trần Phước C, sinh năm 1978 nơi cư trú: Số 22, tổ 9, ấp Bình M, xã Bình M, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị Kim Th (Th), sinh năm 1996, vắng mặt;

2. Ông Phạm Văn Tô Ni (Tèo), sinh năm 1992, có mặt;

Cùng cư trú: Ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 của nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng H trình bày:* Do chỗ quen biết, bà là chủ hội, vợ chồng ông Tô Ni, bà Th là hội viên và ngược lại, có tham gia qua lại nhiều dây hội, cụ thể:

Bà là chủ hội, ông Tô Ni và bà Th là hội viên có tham gia 11 dây hội ngày, mỗi phần 50.000 đồng, mỗi dây hội tham gia từ 05 đến 20 phần, đều mở trong năm 2020. Ông Tô Ni và bà Th đều hốt trước 11 dây hội này, còn nợ lại của bà 11 dây là 468.500.000 đồng.

Bà là hội viên, có tham gia 03 dây hội ngày mở vào năm 2020 do ông Tô Ni và bà Th làm chủ hội, mỗi phần 50.000 đồng, bà tham gia mỗi dây đều 20 phần, đã đóng được số tiền của 03 dây là 73.920.000 đồng.

Sau đó, bà có yêu cầu, bà Thi có trả được 25.000.000 đồng, cân trừ qua tiền hội của mẹ chồng bà Th được 40.000.000 đồng, phần hội của Th 16.000.000 đồng, cộng lại là 81.000.000 đồng. Như vậy, ông Tô Ni và bà Th còn nợ tiền hội của bà là  $542.420.000 - 81.000.000 = 461.420.000$  đồng.

Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th trả tiền hội 461.420.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2020 của nguyên đơn ông Ngô Thành V và bà Nguyễn Thị Ch trình bày:* Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, vợ chồng ông, bà có tham gia hội do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ, cụ thể:

- Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019 âl, có 30 phần, 15 ngày khai một lần, ông bà tham gia 01 phần, đóng được 17 lần, số tiền được hưởng là 17.000.000 đồng.

- Dây hội 400.000 đồng mở ngày 11/9/2019 âl, có 40 phần, mỗi tuần khai một lần, ông bà tham gia 05 phần, đóng được 32 lần, số tiền được hưởng là 32.000.000 đồng.

- Dây hội 400.000 đồng mở ngày 29/01/2020 âl, có 40 phần, mỗi tuần khai một lần, ông bà tham gia 05 phần, đóng được 13 lần, số tiền được hưởng là 26.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 05/02/2020 âl, có 26 phần, 15 ngày khui một lần, ông bà tham gia 01 phần, đóng được 5 lần, số tiền được hưởng là 5.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 50.000 đồng, mở ngày 13/7/2020 âl, có 120 phần, mỗi ngày khui một lần, ông bà tham gia 10 phần, đóng được 40 lần, số tiền được hưởng là 20.000.000 đồng.

- Dây hụi ngày 50.000 đồng mở ngày 22/3/2020 âl, có 30 phần, mỗi ngày khui một lần, ông bà tham gia 10 phần, đóng được 35 lần, số tiền được hưởng là 17.500.000 đồng.

Tổng cộng 06 dây hụi, vợ chồng ông Tô Ni và bà Th còn nợ ông, bà tổng cộng 149.500.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 149.500.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:* Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, bà có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019 âl, có 30 phần, 15 ngày khui một lần, ông bà tham gia 01 phần, đóng được 18 lần, số tiền được hưởng là 18.000.000 đồng.

- Dây hụi 400.000 đồng mở ngày 11/9/2019 âl, có 40 phần, mỗi tuần khui một lần, bà tham gia 03 phần, đóng được 32 lần, số tiền được hưởng là 38.400.000 đồng.

- Dây hụi ngày 50.000 đồng mở ngày 22/3/2020 âl, có 120 phần, mỗi ngày khui một lần, bà tham gia 05 phần, đóng được 35 lần, số tiền được hưởng là 8.750.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi, vợ chồng ông Tô Ni và bà Th còn nợ bà tổng cộng 65.150.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 65.150.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Huỳnh trình bày:* Trong năm 2018, bà có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/8/2018 âl, có 28 phần, mỗi tháng khui một lần, bà tham gia 01 phần trong danh sách hụi thứ tự số 7 tên

Kiều, bà đã đóng được 21 lần, số tiền được hưởng là 42.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âm (tháng tư trước, do nhuần 02 tháng tư) thì vợ chồng ông Tô Ni, bà Th tuyên bố vỡ hụi, cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ. Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 42.000.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020 của nguyên đơn bà Trần Bích Th trình bày:* Trong năm 2018, bà có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và Th làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/8/2018 âm, có 28 phần, mỗi tháng khai một lần, bà tham gia 01 phần trong danh sách hụi thứ tự số 7 tên Kiêu, bà đã đóng được 21 lần, số tiền được hưởng là 42.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âm (tháng tư trước, do nhuần 02 tháng tư) thì vợ chồng Tô Ni, và Th tuyên bố vỡ hụi, cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ. Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 42.000.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim Ng trình bày:* Trong năm 2019, bà có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019 âm, có 30 phần, nửa tháng khai một lần, bà tham gia 01 phần trong danh sách hụi thứ tự số 10 tên Ng, bà đã đóng được 18 lần, số tiền được hưởng là 18.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âm (tháng tư trước, do nhuần 02 tháng tư) thì vợ chồng ông Tô Ni, bà Th tuyên bố vỡ hụi, cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ. Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 18.000.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Y trình bày:* Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, bà có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019 âm, có 30 phần, 15 ngày khai một lần, ông bà tham gia 02 phần trong danh sách hụi thứ tự 13, 14 tên Y, đóng được 18 lần, số tiền được hưởng là 36.000.000 đồng.

- Dây hụi 400.000 đồng mở ngày 17/10/2019 âm, có 40 phần, mỗi tuần khai một lần, bà tham gia 02 phần trong danh sách hụi thứ tự 13, 14 tên Y, đóng được 27 lần, số tiền được hưởng là 21.600.000 đồng.

- Dây hụi ngày 50.000 đồng mở ngày 04/01/2020 âm, có 140 phần, mỗi ngày khai một lần, bà tham gia 05 phần, đóng được 120 lần, số tiền được hưởng là 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi, vợ chồng ông Tô Ni và bà Th còn nợ bà tổng cộng 87.600.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 87.600.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Tr trình bày:* Trong năm 2019, bà có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 01/8/2019 âl, có 30 phần, nửa tháng khai một lần, bà tham gia 02 phần trong danh sách hụi thứ tự số 16, 17 tên Tr, bà đã đóng được 18 lần, số tiền được hưởng là 36.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl (tháng tư trước, do nhuần 02 tháng tư) thì vợ chồng ông Tô Ni, bà Th tuyên bố vỡ hụi, cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ. Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 36.000.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và Phan Thị T trình bày:* Trong năm 2018, bà T có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/8/2018 âl, có 28 phần, mỗi tháng khai một lần, bà tham gia 02 phần trong danh sách hụi thứ tự số 20, 21 tên T, bà đã đóng được 21 lần, số tiền được hưởng là 84.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl (tháng tư trước, do nhuần 02 tháng tư) thì vợ chồng ông Tô Ni, bà Th tuyên bố vỡ hụi, cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ. Nay bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 84.000.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2020 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Mỹ D:* Trong năm 2019, bà D có tham gia hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/5/2019 âl, có 30 phần, nửa tháng khai một lần, bà tham gia 02 phần trong danh sách hụi thứ tự số 8, 9 tên Ch, bà đã đóng được 23 lần, số tiền được hưởng là 46.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl (tháng tư trước, do nhuần 02 tháng tư) thì ông Tô Ni, bà Th tuyên bố vỡ hụi, cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ. Nay vợ chồng bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi 46.000.000 đồng.

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2020 của nguyên đơn ông Trần Phước C và bà Phan Thị Trúc Ph trình bày:* Trong năm 2018 và 2019, bà Ph có tham gia 02 dây hụi do vợ chồng ông Tô Ni và bà Th làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/8/2018 âl, có 28 phần, nửa tháng khui một lần, bà tham gia 01 phần trong danh sách hụi thứ tự số 19 mợ C, bà đã đóng được 21 lần, số tiền được hưởng là 42.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/5/2019 âl, có 30 phần, nửa tháng khui một lần, bà tham gia 01 phần trong danh sách hụi thứ tự số 10 mợ C, bà đã đóng được 23 lần, số tiền được hưởng là 23.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2020 âl (tháng tư trước, do nhuần 02 tháng tư) thì ông Tô Ni, bà Th tuyên bố vỡ hụi, cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ. Nay vợ chồng bà yêu cầu ông Tô Ni và bà Th có trách nhiệm liên đới trả tiền của 02 dây hụi tổng cộng 65.000.000 đồng.

*Biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2020 bị đơn bà Huỳnh Thị Kim Th trình bày:* Bà có làm chủ các dây hụi còn thiếu các ông, bà như sau:

1/ Đối với Đặng Thị Hồng H:

\* Đối với các dây hụi do bà H làm chủ, bà có tham gia như sau:

- Dây hụi khui ngày 10/01/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 10 phần, đã hốt hụi và châu được 95 phần, còn lại 05 phần cuối chưa nộp là 2.500.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 20/01/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 15 phần, đã hốt hụi và châu được 85 phần, còn lại 15 phần cuối chưa nộp là 11.250.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 05/02/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 10 phần, đã hốt hụi và châu được 70 phần, còn lại 30 phần cuối chưa nộp là 15.000.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 26/02/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 15 phần, đã hốt hụi và nộp được 49 phần, còn lại 51 phần cuối chưa nộp là 38.250.000đ.

- Dây hụi khui ngày 06/03/2020 âl, hụi 50.000đ, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 15 phần, đã hốt hụi và nộp được 39 phần, còn lại 61 phần cuối chưa nộp là 45.750.000đ.

- Dây hụi khui ngày 16/03/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 05 phần, đã hốt hụi và nộp được 29 phần, còn lại 71 phần cuối chưa nộp là 17.750.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 16/03/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 15 phần, đã hốt hụi và nộp được 29 phần, còn lại 71 phần cuối chưa châu là 53.250.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 30/03/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 15 phần, đã hốt hụi và nộp được 15 phần, còn lại 85 phần cuối chưa nộp là 63.750.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 10/04/2020 âl, hụi 50.000đ, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 10 phần, đã hốt hụi và nộp được 05 phần, còn lại 95 phần cuối chưa châu là 47.500.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 13/04/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 15 phần, đã hốt hụi và nộp được 02 phần, còn lại 98 phần cuối chưa châu là 73.500.000 đồng.

- Dây hụi khui ngày 25-04-2020 âl, hụi 50.000đ, 01 ngày khui 01 lần, có 100 phần, bà tham gia 20 phần, đã hốt hụi và nhưng chưa nộp lần nào, tổng số tiền phải châu là 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền chưa nộp các dây hụi trên đây là 468.500.000 đồng.

\* Đối với các dây hụi bà làm chủ hụi, bà H đã tham gia là hụi viên như sau:

- Dây hụi khui ngày 27/02/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 120 phần, bà H tham gia 20 phần, chưa hốt hụi, số tiền vốn đã nộp 43.120.000 đồng thì ngưng khui vào tháng 4 năm 2020 âl.

- Dây hụi khui ngày 21/03/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 120 phần, bà H tham gia 20 phần, chưa hốt hụi, số tiền vốn đã nộp 22.000.000 đồng thì ngưng khui vào tháng 4 năm 2020 âl.

- Dây hụi khui ngày 06/04/2020 âl, hụi 50.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, có 130 phần, bà H tham gia 20 phần, chưa hốt hụi, số tiền vốn đã nộp 8.800.000 đồng thì ngưng khui vào tháng 4 năm 2020 âl.

Số tiền vốn bà H đã nộp của 03 dây hụi là 73.920.000đ.

Tổng số tiền còn thiếu bà H trên đây là 542.420.000 đồng trừ lại số tiền bà H đã nhận là 81.000.000 đồng, còn thiếu bà H 461.420.000 đồng.

Việc giao dịch các dây hụi với những người tham gia góp hụi trên đều có phao hụi ghi tên chủ hụi là Th. Việc chơi hụi, ông Ni không biết và ông Ni không có gom tiền hụi mà bà Th tự chơi để có tiền nuôi con, nhưng sau đó, có



một số hội viên hốt hội không nộp lại hội chết nên bà Th không có khả năng trả lại vốn.

2/ Đối với ông Ngô Thành V và bà Nguyễn Thị Ch:

- Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 01/8/2019 âl, 15 ngày khai 01 lần, có 30 phần, tham gia 01 phần và chưa hốt hội, số tiền vốn đã nộp 12.750.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

- Dây hội 400.000 đồng khai ngày 17/10/2019 âl, 07 ngày khai 01 lần, có 40 phần, tham gia 05 phần và chưa hốt hội, tiền vốn đã nộp 51.200.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

- Dây hội 400.000 đồng khai ngày 29/01/2020 âl, 07 ngày khai 01 lần, có 40 phần, tham gia 05 phần và chưa hốt hội, tiền vốn đã nộp 20.800.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

- Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 05/02/2020 âl, 15 ngày khai 01 lần, có 26 phần, tham gia 01 phần và chưa hốt hội, số tiền vốn đã nộp 3.750.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

- Theo đơn khởi kiện thì bà Ch ông V khai còn tham gia 02 dây hội như: Dây hội 50.000 đồng khai ngày 17/3/2020 âl, 01 ngày khai 01 lần, có 120 phần, ông, bà tham gia 10 phần và dây hội 50.000 đồng khai ngày 22/3/2020 âl, 01 ngày khai 01 lần, có 120 phần, ông bà tham gia 10 phần. Hai dây hội này, bà Th không làm chủ và không nhận tiền của ông V bà Ch.

3/ Đối với bà Nguyễn Thị Ng:

- Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 01/8/2019 âl, 15 ngày khai 01 lần, có 30 phần, tham gia 01 phần và chưa hốt hội, số tiền vốn đã châu 13.500.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

- Dây hội 400.000 đồng khai ngày 17/10/2019 âl, 07 ngày khai 01 lần, tổng số 40 phần, tham gia 03 phần và chưa hốt hội, số tiền vốn đã châu 30.720.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

4/ Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H (K): Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 15/8/2018 âl, 01 tháng khai 01 lần, tổng số 28 phần, tham gia 01 phần hội, chưa hốt hội và tổng số tiền vốn đã châu 31.500.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âm lịch.

5/ Đối với bà Trần Bích Th: Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 15/8/2018 âl, 01 tháng khai 01 lần, có 28 phần, tham gia 01 phần và chưa hốt hội, số tiền vốn đã nộp 31.500.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

6/ Đối với Đặng Thị Kim Ng: Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 01/8/2019 âl, 15 ngày khui 01 lần, có 30 phần, tham gia 01 phần và chưa hốt hụi, tiền vốn đã nộp 13.500.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

7/ Đối với Nguyễn Thị Thu Y:

- Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 01/8/2019 âl, 15 ngày khui 01 lần, tổng số 30 phần hụi, tham gia 02 phần, chưa hốt hụi và đã châu tổng số tiền vốn là 27.000.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âm lịch.

- Dây hụi 400.000 đồng khui ngày 17/10/2019 âl, 07 ngày khui 01 lần, tổng số 40 phần hụi, tham gia 02 phần, chưa hốt hụi và đã châu tổng số tiền vốn là 17.280.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âm lịch.

- Theo đơn kiện thì bà Y khai còn có chơi dây hụi 50.000 đồng khui ngày 04/01/2020 âm lịch, 01 ngày khui 01 lần, tổng số 140 phần hụi, tham gia 05 phần, chưa hốt hụi nhưng bà không có làm chủ dây hụi này.

Như vậy, bà Th nợ tiền vốn 02 dây hụi trên đây là 44.280.000 đồng

8/ Đối với Nguyễn Thị Tuyết Tr: Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 01/8/2019 âl hụi 15 ngày khui 01 lần, tổng số 30 phần, tham gia 02 phần hụi, chưa hốt hụi và tổng số tiền vốn đã châu 27.000.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âm lịch.

9/Đối với bà Nguyễn Thị Đ và bà Phan Thị T: 01 dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/8/2018 âl, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 28 phần, bà Đ và T tham gia 02 phần, chưa hốt hụi và đã châu tổng số tiền vốn 63.000.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âm lịch.

10/ Đối với ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị D: Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 15-5-2019 âm lịch, 15 ngày khui 01 lần, tổng số 30 phần, tham gia 02 phần và chưa hốt hụi, số tiền vốn đã nộp 34.500.000 đồng thì ngưng vào tháng 4 năm 2020 âl.

11/ Đối với ông Trần Phước C và bà Phan Thị Trúc Ph: Có tham gia hụi do bà làm chủ hụi, quá trình gop hụi do có nhiều hụi viên hốt hụi xong không nộp lại hụi chết nên làm bà mất khả năng thanh toán, phải tuyên bố vỡ hụi. Bà thừa nhận còn nợ hụi ông C, bà Ph 65.000.000 đồng nhưng sau đó bà đã trả được 30.000.000 đồng, con nợ lại 35.000.000 đồng.

*Bị đơn ông Phạm Văn Tô Ni trình bày:* Ông không có làm chủ hụi và không góp tiền hụi của các nguyên đơn, mà do vợ ông là bà Th làm chủ hụi và góp hụi. Do đó, ông không có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại biên bản hòa giải ngày 03/9/2020, các nguyên đơn và bị đơn bà Huỳnh Thị Kim Th đã thống nhất được tiền vốn góp hụi của từng nguyên đơn như sau:*

1. Bà H: 461.420.000 đồng
2. Ông V và bà Ch: 121.500.000 đồng
3. Bà Ng: 51.165.000 đồng
4. Bà H: 31.500.000 đồng
5. Bà Th: 31.500.000 đồng
6. Bà Ng: 13.500.000 đồng
7. Bà Y: 68.160.000 đồng
8. Bà Tr: 27.000.000 đồng
9. Bà Đ và bà T: 63.000.000 đồng
10. Bà D và ông Ch: 33.720.000 đồng
11. Riêng vợ chồng ông C, bà Ph vắng mặt.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tính lãi từ ngày tuyên bố vỡ hụi 27/4/2020 (nhằm ngày 19/5/2022 dl) đến khi xét xử với lãi suất 20%, còn lãi suất trước khi vỡ hụi lấy bình quân 10% tính từ mở hụi đến khi tuyên bố vỡ hụi.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn gồm bà H, bà Ng, bà H, bà Th, bà Thu Y, bà Tr, bà Đ, ông Ch, bà D thống nhất chỉ lấy tiền vốn gốc, không yêu cầu tính lãi. Bà Ph và ông C khởi kiện yêu cầu trả 65.000.000 đồng, thừa nhận đã được bị đơn bà Th trả 30.000.000 đồng, còn 35.000.000 đồng trong là tiền hụi có lãi, nhưng yêu cầu trả đủ 35.000.000 đồng. Ông V và bà Ch thống nhất tiền vốn gốc là 121.500.000 đồng như biên bản hòa giải nhưng yêu cầu phải trả đủ 149.500.000 đồng tiền hụi có lãi.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn ông Tô Ni đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn bà

Th vắng mặt khi xét xử là chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị: đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc bị đơn bà Th và ông Tô Ni liên đới trả tiền góp hụi cho các nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang về hợp đồng góp hụi nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim Th đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Các nguyên đơn bà Ng, bà H, bà Th, bà Ng, bà Thu Y, bà Tr, bà Đ, ông Ch, bà D chỉ yêu cầu trả vốn gốc, rút yêu cầu phần lãi hụi. Việc rút phần yêu cầu của các nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tiền góp hụi của các nguyên đơn bà Ng 13.985.000 đồng, bà H 10.500.000 đồng, bà Th 10.500.000 đồng, bà Ng 4.500.000 đồng, bà Thu Y 19.440.000 đồng, bà Tr 9.000.000 đồng, bà Đ và bà T 21.000.000 đồng, ông Cợ và bà D 12.280.000 đồng.

#### *[2] Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Các nguyên đơn bà H, ông V, bà Ch, bà Ng, bà H, bà Th, bà Y, bà Tr, bà Đ, ông Ch, bà D và bị đơn bà Th đã thống nhất được tiền vốn góp hụi bà Th nợ tại biên bản hòa giải ngày 03/9/2020. Các nguyên đơn bà H, bà Ng, bà H, bà Th, bà Y, bà Tr, bà Đ, ông Ch, bà D chỉ yêu cầu bà Th và chồng ông Tô Ni trả vốn gốc, không yêu cầu tính lãi. Ông V và bà Ch yêu cầu trả tiền vốn gốc cùng với tiền lãi của dây hụi. Ông C và bà Ph yêu cầu trả tiền bao gồm lãi của dây hụi.

[2.2] Bị đơn bà Th thông nhất trả tiền vốn cho các nguyên đơn và đồng ý trả lãi với mức lãi 20%/năm từ tuyên bố vỡ hụi 27/4/2020 al (nhằm ngày 19/5/2020) đến khi xét xử, từ ngày mở hụi đến ngày vỡ hụi tính lãi 10%/ năm, nhưng xin được trả dần. Ông Tô Ni không đồng ý liên đới cùng bà Th trả tiền nợ hụi cho các nguyên đơn, với lý do ông không biết, ông không tham gia, bà Th tham gia hụi là cá nhân, ông không có trách nhiệm.

[2.3] Bà Th là chủ hụi, đã nhận tiền hụi của các nguyên đơn, khi không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng góp hụi thì bà Th phải có nghĩa vụ trả tiền cho các hụi viên tiền vốn gốc và tiền lãi hụi. Các nguyên đơn bà H, bà Ng, bà H, bà Th, bà Y, bà Tr, bà Đ, ông Ch và bà D chỉ yêu cầu trả lại vốn gốc, không yêu cầu tính lãi nên chấp nhận theo yêu cầu của những người này. Đối với tiền hụi của vợ chồng ông V, bà Ch và vợ chồng ông Cg, bà Ph yêu cầu trả vốn và lãi của dây hụi, tuy nhiên tính trên tiền vốn cộng với tiền lãi có mức lãi suất 20%/năm từ ngày vỡ hụi 27/4/2020 al đến nay gần hai năm đã vượt cả tiền lãi hụi của dây hụi. Do đó, ông V, bà Ch và ông C, bà Ph yêu cầu bà Th trả tiền hụi có lãi là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về trách nhiệm thanh toán:

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Th và ông Tô Ni cùng liên đới trả tiền hụi. Bà Th cho rằng hợp đồng góp hụi là cá nhân bà, chủ yếu tạo thu nhập sinh hoạt cá nhân và mua sữa cho con. Ông Tô Ni cho rằng không biết bà Th có hợp đồng góp hụi, ông không đi góp hụi và ông không có nghĩa vụ liên đới. Mặc dù, bà Th và ông Tô Ni không thừa nhận bà Th tham gia hụi là phục vụ gia đình nhưng lời trình bày của bà Th tham gia hụi để lo cho con chính là phục vụ cho gia đình. Ông Tô Ni cho rằng ông không biết bà Th làm chủ hụi nhưng tại phiên tòa bản thân ông đã thừa nhận có đi góp hụi của một số hụi viên là bà H, bà Ch, bà Ng, bà H, bà Th. Từ đó, cho thấy bà Th làm chủ hụi là nhằm tạo ra thu nhập phục vụ chung cho gia đình, ông Tô Ni hoàn toàn biết rõ bà Th là chủ hụi nên buộc bà Th và ông Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H 461.420.000 đồng, ông V và bà Ch 149.500.000 đồng, bà Ng 51.165.000 đồng, bà H 31.500.000 đồng, bà Th 31.500.000 đồng, bà Ng 13.500.000 đồng, bà Y 68.160.000 đồng, bà Tr 27.000.000 đồng, bà Đ và bà T 63.000.000 đồng, bà D và ông Ch 33.720.000 đồng, ông C và bà Ph 35.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Bị đơn bà Th và ông Tô Ni phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho các nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án,

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về hợp đồng góp hụi của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng 13.985.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc H 10.500.000 đồng, bà Trần Bích Th 10.500.000 đồng, bà Đặng Thị Kim Ng 4.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu Y 19.440.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr 9.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ và bà Phan Thị T 21.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị D 12.280.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng H, ông Ngô Thành V, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trần Bích Th, bà Đặng Thị Kim Ng, bà Nguyễn Thị Thu Y, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr bà Nguyễn Thị Đ, bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Phước C và Phan Thị Trúc Ph đối với bị đơn bà Huỳnh Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni về hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Đặng Thị Hồng H 461.420.000 (bốn trăm sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả ông Ngô Thành V và bà Nguyễn Thị Ch 149.500.000 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Ng 51.165.000 (năm mươi một triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng),

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Ngọc H 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Trần Bích Th 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Đặng Thị Kim Ng 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Thu Y 68.160.000 (sáu mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Tuyết Tr 27.000.000 (hai mươi bảy triệu đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Đ và bà Phan Thị T 63.000.000 ( sáu mươi ba triệu đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thị Ch 33.720.000 (ba mươi ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Th và ông Phạm Văn Tô Ni có nghĩa vụ liên đới trả ông Trần Phước C và bà Phan Thị Trúc Ph 35.000.000 (ba mươi lăm triệu đồng)

Kể từ ngày các nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bà Th và ông Tô Ni không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Bà Th và ông Tô Ni cùng phải chịu 40.964.000 (bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Đặng Thị Hồng H 11.500.000 (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006729 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại ông Ngô Thành Văn và bà Nguyễn Thị Ch 3.738.000 (ba triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006820 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại bà Nguyễn Thị Ng 1.629.000 (một triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006820 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại bà Nguyễn Thị Ngọc H 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006951 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại bà Trần Bích Th 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006953 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại bà Đặng Thị Kim Ng 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006809 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại bà Nguyễn Thị Thu Y 2.190.000 (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006808 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại bà Nguyễn Thị Tuyết Tr 900.000 (chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006819 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại bà Phan Thị T 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006878 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trả lại ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị D 1050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006818 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.



Trả lại ông Trần Phước C và bà Phan Thị Trúc Ph 1.625.000 (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001582 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh AG
- VKSND.H.Phú Tân;
- Chi cục THADS Phú Tân;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Trần Thế Văn**